

| STT   | Họ tên                  | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|-------------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Trung Đoàn       | 10A1 | Mất trật tự                    | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Khánh Hiệp       | 10A1 | Mất trật tự                    | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Vũ Viết Kiên            | 10A1 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Vũ Viết Kiên            | 10A1 | Mất trật tự                    | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Đào Kim Ngân            | 10A1 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Đào Kim Ngân            | 10A1 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Đào Kim Ngân            | 10A1 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Nguyễn Thanh Ngọc       | 10A1 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Nguyễn Minh Nhựt        | 10A1 | Mất trật tự                    | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Nguyễn Thị Quỳnh Như    | 10A1 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 11    | Phạm Hồng Như           | 10A1 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 12    | Nguyễn Tấn Phát         | 10A1 | Đi học trễ                     | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 13    | Huỳnh Minh Quân         | 10A1 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 14    | Nguyễn Minh Quân        | 10A1 | Mất trật tự                    | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 15    | Bùi Minh Quang          | 10A1 | Mất trật tự                    | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 16    | Huỳnh Nhật Tân          | 10A1 | Mất trật tự                    | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 17    | Nguyễn Thị Thanh Thủy   | 10A1 | Đi học trễ                     | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 18    | Nguyễn Trần Phương Trúc | 10A1 | Giày dép                       | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 19    | Phạm Thị Tuyết          | 10A1 | Mất trật tự                    | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                         |      |                                |            | -28.00  | -28.00  | 19      |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|----------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Tôn Thất Bảo         | 10A2 | Đi học trễ                     | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Thị Khánh Đào | 10A2 | Đi học trễ                     | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Trần Phương Linh     | 10A2 | Vắng có phép                   | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Lê Quốc Minh         | 10A2 | Đi học trễ                     | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Lê Quốc Minh         | 10A2 | Đi học trễ                     | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Lê Quốc Minh         | 10A2 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 28/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 7     | Lê Thị Hồng Thơ      | 10A2 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                      |      |                                |            | -14.00  | -14.00  | 7       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên              | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|---------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Thị Trúc Đào | 10A3 | Vắng có phép                   | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Trần Yến Nhi        | 10A3 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Ngân Thị Oanh       | 10A3 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 27/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 4     | Ngân Thị Oanh       | 10A3 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Ngân Thị Oanh       | 10A3 | Vắng có phép                   | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Trần Ngọc Thùy Trúc | 10A3 | Đi học trễ                     | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Võ Thị Tường Vy     | 10A3 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 03/03/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 8     | Võ Thị Tường Vy     | 10A3 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Võ Thị Tường Vy     | 10A3 | Vắng có phép                   | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                     |      |                                |            | -16.00  | -16.00  | 9       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên             | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|--------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Ngọc Dương  | 10A4 | Đi học trễ                     | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Võ Trần Anh Khoa   | 10A4 | Hút thuốc                      | 02/03/2023 | -6.00   | -6.00   |         |
| 3     | Lý Kim Ngân        | 10A4 | Đi học trễ                     | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Lê Ngọc Thiện      | 10A4 | Hút thuốc                      | 02/03/2023 | -6.00   | -6.00   |         |
| 5     | Huỳnh Thị Ngọc Vân | 10A4 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 02/03/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 6     | Huỳnh Thị Ngọc Vân | 10A4 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Huỳnh Thị Ngọc Vân | 10A4 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                    |      |                                |            | -22.00  | -22.00  | 7       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|----------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Phạm Nhật Anh        | 10A5 | Vắng có phép          | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Mai Kỳ Duyên         | 10A5 | Vắng có phép          | 01/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Mai Kỳ Duyên         | 10A5 | Giày dép              | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Nguyễn Trần Anh Khoa | 10A5 | Đi học trễ            | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Huỳnh Ngọc Yến Nhi   | 10A5 | Vắng có phép          | 01/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Võ Nguyễn Thanh Sang | 10A5 | Đi học trễ            | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Bảo Thy       | 10A5 | Vắng có phép          | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Khru Ngọc Trang      | 10A5 | Giày dép              | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Trần Đào Thủy Trúc   | 10A5 | Vắng có phép          | 01/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                      |      |                       |            | -8.00   | -8.00   | 9       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                 | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|------------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Lê Châu Quốc Bảo       | 10A6 | Đi học trễ            | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Hồng Hải Đăng   | 10A6 | Đi học trễ            | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Hồng Hải Đăng   | 10A6 | Đi học trễ            | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Vũ Thị Yến Nhi         | 10A6 | Vắng có phép          | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Nguyễn Tấn Tài         | 10A6 | Đi học trễ            | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Phạm Thị Cẩm Tiên      | 10A6 | Đi học trễ            | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Đặng Minh Triết | 10A6 | Đi học trễ            | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                        |      |                       |            | -12.00  | -12.00  | 7       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên           | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Phạm Ngọc Khuyến | 10A7 | Vắng có phép          | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Thảo My   | 10A7 | Vắng có phép          | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                  |      |                       |            | 0.00    | 0.00    | 2       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên              | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|---------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Tô Thị Mỹ Chi       | 10A8 | Vắng có phép          | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Hà Hồng Hà          | 10A8 | Vắng có phép          | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Hà Hồng Hà          | 10A8 | Vắng có phép          | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Trần Nguyên Hạo     | 10A8 | Đi học trễ            | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Trần Nguyên Hạo     | 10A8 | Vắng có phép          | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Võ Nguyễn Đăng Khoa | 10A8 | Vắng có phép          | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Huỳnh Thị Quỳnh Như | 10A8 | Vắng có phép          | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                     |      |                       |            | -2.00   | -2.00   | 7       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên              | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|---------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Lê Chí Thành | 10A9 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Hà Thanh Toàn       | 10A9 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Như Trường   | 10A9 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                     |      |                                |            | -6.00   | -6.00   | 3       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-----------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Lê Nhật Phương Lan    | 10A10 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Phan Văn Long         | 10A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Trịnh Thị Trà My      | 10A10 | Không Phù hiệu                 | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Lê Chung Nhân         | 10A10 | Vắng có phép                   | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Trần Phương Như       | 10A10 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Đặng Văn Quyền        | 10A10 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Đặng Văn Quyền        | 10A10 | Cúp tiết                       | 03/03/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 8     | Phạm Nguyễn Bích Thảo | 10A10 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 9     | Nguyễn Thị Bích Trâm  | 10A10 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Nguyễn Đức Minh Trí   | 10A10 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 11    | Nguyễn Thanh Triệu    | 10A10 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 12    | Trần Lê Vinh          | 10A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 13    | Trần Lê Vinh          | 10A10 | Cúp tiết                       | 03/03/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| Tổng: |                       |       |                                |            | -16.00  | -16.00  | 13      |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên             | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|--------------------|-------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Vũ Thiên Ân | 10A11 | Đi học trễ            | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                    |       |                       |            | -2.00   | -2.00   | 1       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng       | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|----------------------|-------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Quỳnh Anh     | 10A12 | Đi học trễ                  | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Ngô Hoàng Ánh        | 10A12 | Quần áo không đúng quy định | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Lê Thanh Hải         | 10A12 | Hút thuốc                   | 27/02/2023 | -6.00   | -6.00   |         |
| 4     | Ngô Triều Nhan       | 10A12 | Vắng có phép                | 01/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Võ Trọng Nhân        | 10A12 | Hút thuốc                   | 27/02/2023 | -6.00   | -6.00   |         |
| 6     | Nguyễn Quỳnh Bảo Nhi | 10A12 | Vắng có phép                | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Lê Khánh Quỳnh       | 10A12 | Đi học trễ                  | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                      |       |                             |            | -18.00  | -18.00  | 7       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                  | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TĐ | Ghi chú |
|-------|-------------------------|-------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Lâm Thị Như Ngọc        | 10A13 | Vắng có phép          | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Hoài Thảo Nguyên | 10A13 | Vắng có phép          | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Nguyễn Nhật Thiên       | 10A13 | Vắng có phép          | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                         |       |                       |            | 0.00    | 0.00    | 3       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT          | Họ tên                | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK       | Điểm TB       | Ghi chú   |
|--------------|-----------------------|------|--------------------------------|------------|---------------|---------------|-----------|
| 1            | Nguyễn Huyền Diệu     | 11A1 | Đi học trễ                     | 27/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 2            | Nguyễn Thị Thanh Hằng | 11A1 | Đi học trễ                     | 27/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 3            | Nguyễn Thị Thanh Hằng | 11A1 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 4            | Nguyễn Thị Thanh Hằng | 11A1 | Đi học trễ                     | 03/03/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 5            | Võ Gia Hân            | 11A1 | Vắng có phép                   | 27/02/2023 | 0.00          | 0.00          |           |
| 6            | Phạm Thị Ngọc Hương   | 11A1 | Vắng có phép                   | 01/03/2023 | 0.00          | 0.00          |           |
| 7            | Vũ Đăng Khoa          | 11A1 | Vắng có phép                   | 01/03/2023 | 0.00          | 0.00          |           |
| 8            | Nguyễn Trà My         | 11A1 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 9            | Nguyễn Thị Hồng Ngân  | 11A1 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 01/03/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 10           | Nguyễn Thị Thanh Ngân | 11A1 | Đi học trễ                     | 27/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 11           | Nguyễn Thị Thanh Ngân | 11A1 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 12           | Nguyễn Thị Thanh Ngân | 11A1 | Đi học trễ                     | 03/03/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 13           | Nguyễn Thiện Nhân     | 11A1 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 01/03/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 14           | Hồ Ngọc Bảo Trân      | 11A1 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 01/03/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 15           | Hồ Ngọc Bảo Trân      | 11A1 | Vắng có phép                   | 28/02/2023 | 0.00          | 0.00          |           |
| <b>Tổng:</b> |                       |      |                                |            | <b>-22.00</b> | <b>-22.00</b> | <b>15</b> |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng       | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Vương Chính    | 11A2 | Vắng có phép                | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Thành Đạt      | 11A2 | Đi học trễ                  | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Phạm Đông Nhật Nam    | 11A2 | Vắng có phép                | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Nguyễn Thị Thanh Ngân | 11A2 | Quần áo không đúng quy định | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Hà Thị Tuyết Trang    | 11A2 | Đi học trễ                  | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |      |                             |            | -6.00   | -6.00   | 5       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Huỳnh Ngọc Lan Anh    | 11A3 | Vắng có phép          | 01/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Trịnh Mai Hoa         | 11A3 | Vắng có phép          | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Phạm Nguyễn Nhật Minh | 11A3 | Vắng có phép          | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                       |      |                       |            | 0.00    | 0.00    | 3       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên            | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Phạm Phương Anh   | 11A4 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Triệu Bằng | 11A4 | Vắng có phép                   | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Nguyễn Thị Mỹ Chi | 11A4 | Vắng có phép                   | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Nguyễn Thị Mỹ Chi | 11A4 | Vắng có phép                   | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Nguyễn Thị Mỹ Chi | 11A4 | Vắng có phép                   | 01/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Nguyễn Thị Mỹ Chi | 11A4 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Nguyễn Thị Mỹ Chi | 11A4 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Đào Duy Minh      | 11A4 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 9     | Dương Tiểu My     | 11A4 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Phan Hữu Quốc     | 11A4 | Vắng có phép                   | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 11    | Tạ Ái Thy         | 11A4 | Vắng có phép                   | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                   |      |                                |            | -2.00   | -2.00   | 11      |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                 | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|------------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Hoàng Hữu Huy          | 11A5 | Áo ngoài quần                  | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Trần Thị Diệu Hương    | 11A5 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Lê Thị Thùy My         | 11A5 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Nguyễn Trần Xuân Tường | 11A5 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 27/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 5     | Nguyễn Trần Xuân Tường | 11A5 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Nguyễn Trần Xuân Tường | 11A5 | Vắng có phép                   | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Nguyễn Trần Xuân Tường | 11A5 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                        |      |                                |            | -12.00  | -12.00  | 7       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên          | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-----------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Ngô Quang Đại   | 11A6 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Lê Thị Cẩm Linh | 11A6 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Nguyễn Tấn Tài  | 11A6 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Trần Minh Thành | 11A6 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                 |      |                                |            | -2.00   | -2.00   | 4       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên             | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng       | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|--------------------|------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Võ Văn Anh         | 11A7 | Đi học trễ                  | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Lê Thành Được      | 11A7 | Đi học trễ                  | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Vũ Thị Ánh Hồng    | 11A7 | Đi học trễ                  | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Tân Thành Lợi      | 11A7 | Áo ngoài quần               | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Lê Thị Kim Ngân    | 11A7 | Vắng có phép                | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Nguyễn Thanh Tuyền | 11A7 | Đi học trễ                  | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Thanh Tuyền | 11A7 | Quần áo không đúng quy định | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                    |      |                             |            | -12.00  | -12.00  | 7       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|----------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Lê Tuấn Anh          | 11A8 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Phạm Quốc Cường      | 11A8 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Nhật Anh Duy  | 11A8 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Vàng Thị Thanh Hà    | 11A8 | Áo ngoài quần                  | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Nguyễn Thị Thúy Ngân | 11A8 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Nguyễn Thị Bích Ngọc | 11A8 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 02/03/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 7     | Nguyễn Thị Bích Ngọc | 11A8 | Áo ngoài quần                  | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Trần Kim Ngọc        | 11A8 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 03/03/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 9     | Trần Kim Ngọc        | 11A8 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Trần Kim Ngọc        | 11A8 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 11    | Ngô Gia Quyên        | 11A8 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Đặng Lâm Anh Thư     | 11A8 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 13    | Lê Thị Minh Thư      | 11A8 | Vắng có phép                   | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 14    | Lê Ngọc Trâm         | 11A8 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 15    | Nguyễn Thị Bảo Trâm  | 11A8 | Vắng có phép                   | 01/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                      |      |                                |            | -24.00  | -24.00  | 15      |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng    | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Trương Lan Anh        | 11A9 | Vắng có phép             | 01/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Võ Ngọc Minh Anh      | 11A9 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Trương Mai Ngọc Hà    | 11A9 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Trần Nhật Thiên Hoàng | 11A9 | Đi học trễ               | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Nguyễn Ngọc Minh Thư  | 11A9 | Vắng có phép             | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Nguyễn Ngọc Minh Thư  | 11A9 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Phước Ngọc Thư | 11A9 | Đi học trễ               | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Nguyễn Phước Ngọc Thư | 11A9 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Trần Thị Ngọc Trâm    | 11A9 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Phan Thành Việt       | 11A9 | Đi học trễ               | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Phan Thành Việt       | 11A9 | Vắng có phép             | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 12    | Nguyễn Lê Thúy Vy     | 11A9 | Vắng có phép             | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 13    | Nguyễn Lê Thúy Vy     | 11A9 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 14    | Võ Thị Mỹ Ngọc        | 11A9 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |      |                          |            | -20.00  | -20.00  | 14      |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|-----------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Lê Duy         | 11A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Võ Tiến Đạt           | 11A10 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Lê Thị Ngọc Hiếu      | 11A10 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Hồ Thị Ngọc Huỳnh     | 11A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Hồ Thị Ngọc Huỳnh     | 11A10 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Lê Thanh Lan          | 11A10 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Trần Sơn Nam          | 11A10 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Nguyễn Đăng Ninh      | 11A10 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Tsần Ngọc Phương      | 11A10 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Nguyễn Thị Tiến Thanh | 11A10 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Nguyễn Thị Anh Thư    | 11A10 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 12    | Nguyễn Thành Vinh     | 11A10 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |       |                                |            | -22.00  | -22.00  | 12      |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                 | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TĐ | Ghi chú |
|-------|------------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Trần Tiến Dương        | 11A11 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Trần Tấn Phát          | 11A11 | Đi học trễ                     | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Hải Hoài Phương | 11A11 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Nguyễn Ngọc Như Quỳnh  | 11A11 | Vắng có phép                   | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Nguyễn Ngọc Như Quỳnh  | 11A11 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Huỳnh Ngọc Sang        | 11A11 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Trương Hoàng Văn Sơn   | 11A11 | Vắng có phép                   | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Trần Thành Thiên Trúc  | 11A11 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Phan Kim Tuyết         | 11A11 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Huỳnh Thị Thanh Uyên   | 11A11 | Vắng có phép                   | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                        |       |                                |            | -10.00  | -10.00  | 10      |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                 | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|------------------------|-------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Thị Nguyên Ngọc | 11A12 | Đi học trễ            | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Trần Trúc Phương       | 11A12 | Đi học trễ            | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Thị Mai Trúc    | 11A12 | Vắng có phép          | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                        |       |                       |            | -4.00   | -4.00   | 3       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên             | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|--------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Vũ Nam Anh         | 12A1 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Vũ Nam Anh         | 12A1 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Bùi Quốc Bình Minh | 12A1 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Nguyễn Thị Yến Nhi | 12A1 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 03/03/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 5     | Trần Thanh Trúc    | 12A1 | Đi học trễ                     | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                    |      |                                |            | -10.00  | -10.00  | 5       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|----------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Huỳnh Gia Bảo        | 12A2 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Bá Đức        | 12A2 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 02/03/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 3     | Lâm Quỳnh Hoa        | 12A2 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Lâm Quỳnh Hoa        | 12A2 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Đỗ Huỳnh Gia Khả     | 12A2 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Đinh Thị Mỹ          | 12A2 | Đi học trễ                     | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Lê Hồng Ngọc         | 12A2 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Nguyễn Lê Uyên Nhi   | 12A2 | Đi học trễ                     | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Đoàn Thị Như         | 12A2 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 10    | Nguyễn Thị Kim Phụng | 12A2 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 27/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 11    | Nguyễn Thị Kim Phụng | 12A2 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Võ Thị Trúc Quỳnh    | 12A2 | Vắng có phép                   | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 13    | Vương Mỹ Tiên        | 12A2 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 14    | Nguyễn Thị Ngọc Trâm | 12A2 | Vắng có phép                   | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 15    | Nguyễn Thị Ngọc Trâm | 12A2 | Vắng có phép                   | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 16    | Nguyễn Thị Ngọc Trâm | 12A2 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 17    | Nguyễn Thị Ngọc Trâm | 12A2 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                      |      |                                |            | -20.00  | -20.00  | 17      |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng   | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------|-------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Lâm Tuấn An           | 12A3 | Vắng có phép            | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Hoàng Gia Huy         | 12A3 | Đi học trễ              | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Cao Mỹ Huyền          | 12A3 | Vắng có phép            | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Lê Tấn Minh           | 12A3 | Không chấp hành kỷ luật | 28/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 5     | Lê Tấn Minh           | 12A3 | Áo ngoài quần           | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Đặng Hoàng Kim Ngân   | 12A3 | Vắng có phép            | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Nguyễn Văn Phi        | 12A3 | Đi học trễ              | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Nguyễn Văn Phi        | 12A3 | Không chấp hành kỷ luật | 28/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 9     | Nguyễn Văn Phi        | 12A3 | Áo ngoài quần           | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Nguyễn Lê Hoài Phương | 12A3 | Vắng có phép            | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 11    | Tô Minh Thanh         | 12A3 | Vắng có phép            | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 12    | Tô Minh Thanh         | 12A3 | Không chấp hành kỷ luật | 28/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 13    | Tô Minh Thanh         | 12A3 | Áo ngoài quần           | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |      |                         |            | -22.00  | -22.00  | 13      |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                   | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|--------------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Ngọc Thiên Ân     | 12A4 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Dương Tiến Đạt           | 12A4 | Vắng có phép                   | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Nguyễn Huỳnh Trung Nghĩa | 12A4 | Đi học trễ                     | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Nguyễn Huỳnh Trung Nghĩa | 12A4 | Đi học trễ                     | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Nguyễn Dư Nhân           | 12A4 | Vắng có phép                   | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Nguyễn Minh Nhật         | 12A4 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Đặng Tấn Phát            | 12A4 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Trần Thị Lan Phương      | 12A4 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Bùi Ngọc Phương Trang    | 12A4 | Đi học trễ                     | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                          |      |                                |            | -14.00  | -14.00  | 9       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng    | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Thị Trâm Anh   | 12A5 | Vắng có phép             | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Thị Trâm Anh   | 12A5 | Vắng có phép             | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Nguyễn Lâm Gia Bảo    | 12A5 | Đi học trễ               | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Ngô Nhật Hào          | 12A5 | Đi học trễ               | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Ngô Nhật Hào          | 12A5 | Đi học trễ               | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Ngô Nhật Hào          | 12A5 | Không chấp hành kỷ luật  | 27/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 7     | Nguyễn Hồng Tuyết Nhi | 12A5 | Đi học trễ               | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Huỳnh Quang Thái      | 12A5 | Đi học trễ               | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Huỳnh Quang Thái      | 12A5 | Đi học trễ               | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Trần Thị Thanh Thu    | 12A5 | Đi học trễ               | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Bùi Ngọc Minh Thư     | 12A5 | Đi học trễ               | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Nguyễn Hữu Trọng      | 12A5 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |      |                          |            | -22.00  | -22.00  | 12      |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên              | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|---------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Trần Quốc Dũng      | 12A6 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Trần Quốc Dũng      | 12A6 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Trần Quốc Dũng      | 12A6 | Cúp tiết                       | 28/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 4     | Phạm Quốc Duy       | 12A6 | Cúp tiết                       | 28/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 5     | Đào Phú Hải         | 12A6 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Trần Nguyễn Tâm Như | 12A6 | Vắng có phép                   | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Trần Nguyễn Tâm Như | 12A6 | Vắng có phép                   | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Trần Ngọc Thùy Tiên | 12A6 | Đi học trễ                     | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                     |      |                                |            | -16.00  | -16.00  | 8       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|----------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Thị Mỹ Huyền  | 12A7 | Vắng có phép          | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Thị Quỳnh Như | 12A7 | Vắng có phép          | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Thái Thanh Thư       | 12A7 | Vắng có phép          | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Nguyễn Hạ Vy         | 12A7 | Đi học trễ            | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                      |      |                       |            | -2.00   | -2.00   | 4       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                  | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-------------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Long Khánh       | 12A8 | Đi học trễ                     | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Trịnh Lê Mỹ Kim         | 12A8 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Ngọc Kim Ngân    | 12A8 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Trần Thị Thanh Ngọc     | 12A8 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Phạm Nguyễn Uyên Phương | 12A8 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Phạm Nguyễn Uyên Phương | 12A8 | Vắng có phép                   | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Trần Thúy Quyên         | 12A8 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Lê Nguyễn Thanh Thế     | 12A8 | Đi học trễ                     | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                         |      |                                |            | -12.00  | -12.00  | 8       |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                 | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TĐ | Ghi chú |
|-------|------------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Tuấn Dũng       | 12A9 | Vắng có phép                   | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Lê Thị Thu Giang       | 12A9 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Trần Minh Hưng         | 12A9 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Nguyễn Đông Minh       | 12A9 | Giày dép                       | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Lê Huỳnh Như           | 12A9 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | LÊ THỊ THU TRANG       | 12A9 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Hoàng Duy Trọng | 12A9 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 28/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 8     | Nguyễn Hoàng Anh Tú    | 12A9 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Vũ Thụy Tường Vy       | 12A9 | Đi học trễ                     | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Vũ Thụy Tường Vy       | 12A9 | Không Phù hiệu                 | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                        |      |                                |            | -18.00  | -18.00  | 10      |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-----------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Huỳnh Nhật Đông Anh   | 12A10 | Đi học trễ                     | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Đặng Gia Bảo   | 12A10 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 02/03/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 3     | Đặng Minh Đức         | 12A10 | Đi học trễ                     | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Nguyễn Phan Anh Huy   | 12A10 | Vắng có phép                   | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Nguyễn Tuấn Kiệt      | 12A10 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 03/03/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 6     | Trần Thị Nhã Linh     | 12A10 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Lê Thị Như Ngọc       | 12A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Nguyễn Thư Nhân       | 12A10 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 9     | Nguyễn Ngọc Thanh Nhi | 12A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Nguyễn Ngọc Thanh Nhi | 12A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | NUR ROZANA            | 12A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Nguyễn Hoài Anh Thư   | 12A10 | Đi học trễ                     | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 13    | Dương Huỳnh Ngọc Trâm | 12A10 | Đi học trễ                     | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 14    | Đặng Thị Ngọc Trâm    | 12A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 15    | Khuru Lê Bảo Trân     | 12A10 | Đi học trễ                     | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 16    | Trần Lê Anh Tuấn      | 12A10 | Đi học trễ                     | 01/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |       |                                |            | -32.00  | -32.00  | 16      |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT          | Họ tên               | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK       | Điểm TD       | Ghi chú   |
|--------------|----------------------|-------|--------------------------------|------------|---------------|---------------|-----------|
| 1            | Vũ Đỗ Lan Anh        | 12A11 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 28/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 2            | Nguyễn Thái Dương    | 12A11 | Đi học trễ                     | 03/03/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 3            | Nguyễn Thái Dương    | 12A11 | Vắng có phép                   | 27/02/2023 | 0.00          | 0.00          |           |
| 4            | JEONG EUN            | 12A11 | Vắng có phép                   | 28/02/2023 | 0.00          | 0.00          |           |
| 5            | Lê Duy Khang         | 12A11 | Đi học trễ                     | 01/03/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 6            | Võ Ngọc Mỹ           | 12A11 | Đi học trễ                     | 27/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 7            | Võ Ngọc Mỹ           | 12A11 | Đi học trễ                     | 03/03/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 8            | Nguyễn Hồng Nhung    | 12A11 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 28/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 9            | Phạm Kim Pha         | 12A11 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 28/02/2023 | -4.00         | -4.00         |           |
| 10           | Phạm Kim Pha         | 12A11 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 02/03/2023 | -4.00         | -4.00         |           |
| 11           | Phạm Kim Pha         | 12A11 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 03/03/2023 | -4.00         | -4.00         |           |
| 12           | Phạm Kim Pha         | 12A11 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 27/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 13           | Phạm Kim Pha         | 12A11 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 28/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 14           | Phạm Kim Pha         | 12A11 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 01/03/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 15           | Phạm Kim Pha         | 12A11 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 03/03/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 16           | Bùi Thanh Thảo       | 12A11 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 28/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 17           | Chu Đoàn Hoàng Thế   | 12A11 | Đi học trễ                     | 03/03/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 18           | Phạm Thị Thanh Thủy  | 12A11 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 28/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 19           | Huỳnh Ngọc Thảo Uyên | 12A11 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00          | 0.00          |           |
| <b>Tổng:</b> |                      |       |                                |            | <b>-38.00</b> | <b>-38.00</b> | <b>19</b> |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023

| STT   | Họ tên                 | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|------------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Tô Tuấn Anh            | 12A12 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Trần Khánh Băng        | 12A12 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Phùng Hoài An Bình     | 12A12 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Vô Văn Chí             | 12A12 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Nguyễn Ngọc Hoàng Duy  | 12A12 | Đi học trễ                     | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Nguyễn Ngọc Hoàng Duy  | 12A12 | Đi học trễ                     | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Ngọc Hoàng Duy  | 12A12 | Đi học trễ                     | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Nguyễn Ngọc Hoàng Duy  | 12A12 | Không chấp hành kỷ luật        | 28/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 9     | Nguyễn Thị Tú Duy      | 12A12 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 28/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 10    | Nguyễn Thị Tú Duy      | 12A12 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Nguyễn Thị Tú Duy      | 12A12 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Nguyễn Thị Tú Duy      | 12A12 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 13    | Nguyễn Thị Tú Duy      | 12A12 | Vắng có phép                   | 03/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 14    | Đỗ Đăng Khoa           | 12A12 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 15    | Đặng Ngọc Lâm          | 12A12 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 28/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 16    | Huỳnh Gia Mỹ           | 12A12 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 17    | Dương Thị Hà Phương    | 12A12 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 18    | Nguyễn Văn Quân        | 12A12 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 19    | Nguyễn Văn Tâm         | 12A12 | Đi học trễ                     | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 20    | Nguyễn Văn Tâm         | 12A12 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 21    | Nguyễn Văn Tâm         | 12A12 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 22    | Đặng Văn Thành         | 12A12 | Đi học trễ                     | 03/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 23    | Đặng Văn Thành         | 12A12 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 27/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 24    | Nguyễn Hữu Thắng       | 12A12 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 25    | Nguyễn Hữu Thắng       | 12A12 | Áo ngoài quần                  | 02/03/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 26    | Nguyễn Trần Thanh Trúc | 12A12 | Vắng có phép                   | 02/03/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 27    | Phạm Hoàng Tường Vy    | 12A12 | Vắng có phép                   | 27/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 28    | Phạm Hoàng Tường Vy    | 12A12 | Vắng có phép                   | 28/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                        |       |                                |            | -42.00  | -42.00  | 28      |

, ngày 03 tháng 03 năm 2023